TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/HNGĐ-PT
Ngày 22/12/2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Vũ Đông**
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2017/LHPT ngày 08 tháng 11 năm 2017.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2017/QĐ-PT ngày 27/11/2017, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ - sinh năm 1947

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị C - sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Ông và bà Lê Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/02/1974 tại UBND xã Thạch Đà, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Thạch Đà. Trong thời gian đầu, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 1995, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Năm 1996, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, Ông Đ đi làm ăn xa, hai vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Nay Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà C nữa, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông và bà C có 03 con chung với nhau là Nguyễn Thái Hà - sinh ngày 26/3/1976; Nguyễn Thúy Hằng - sinh ngày 10/01/1981 và Nguyễn Trung Thành - sinh ngày 31/3/1985. Hiện tại các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/02/1974 tại UBND xã Thạch Đà, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc (nay

là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Thời gian này, bà làm công nhân của xí nghiệp may Vĩnh Phúc, đến năm 1982, bà chuyển đến Công ty thương nghiệp cấp 3 tại Vĩnh Phúc và làm cho đến khi về hưu. Đối với Ông Đ, thời gian đầu khi mới lấy nhau, ông làm tại Công ty cầu 7 - Cầu Thăng Long, sau đó chuyển sang Xí nghiệp mộc Vĩnh Phúc làm việc đến khi về nghỉ mất sức năm 1990.

Năm 1994, bà và Ông Đ mở xưởng sản xuất đồ gỗ tại Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình sản xuất kinh doanh có làm ăn thua lỗ, nợ nhiều người, đến tháng 7/1996 do không có khả năng thanh toán nên Ông Đ bỏ đi, để lại các khoản nợ cho nợ vợ con phải trả. Bà đã tìm nhiều nơi nhưng không biết Ông Đ ở đâu. Khoảng 7 đến 8 năm sau, Ông Đ về nhà được khoảng 2 đến 3 ngày rồi lại đi, ông nói là đi làm bảo vệ, còn làm ở đâu thì gia đình không được biết. Bản thân bà ở nhà vẫn phải nuôi 2 con nhỏ, trong đó có một cháu phát triển không bình thường.

Đến năm 2005, bà chuyển về nhà mẹ chồng tại thôn 4, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh để chăm sóc cho mẹ chồng. Thời gian về ở cùng với mẹ chồng, bà có cải tạo lại nhà trên đất của mẹ chồng, xây công trình phụ, làm sân, đổ vườn ao, xây tường rào. Khoảng năm 2007, gia đình nghe tin Ông Đ có sống chung với người khác như vợ chồng ở thành phố Việt Trì, nhưng cụ thể ở chỗ nào thì bà không biết. Dù biết việc này, nhưng vì mẹ chồng và các con, bà vẫn phải sống để chăm sóc mẹ chồng và các con. Bà C xác định bản thân giữa bà và Ông Đ không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nay Ông Đ làm đơn ly hôn, bà không đồng ý vì hiện bà đã già, muốn ở cạnh anh em gia đình nhà chồng để có chỗ dựa về tinh thần, mặt khác bà đang nuôi con út cháu Nguyễn Trung Thành, cháu chưa lấy vợ và về trí tuệ phát triển không được bình thường như người khác.

Về con chung: Bà và Ông Đ có 03 con chung với nhau là Nguyễn Thái Hà - sinh ngày 26/3/1976; Nguyễn Thúy Hằng - sinh ngày 10/01/1981 và Nguyễn Trung Thành - sinh ngày 31/3/1985. Hiện tại các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội đã xử và quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Lê Thị C.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 14/9/2017, ông Nguyễn Minh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Vợ chồng ông sống ly thân đã nhiều năm, hai bên không còn tình cảm với nhau, trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải thì hai bên không có tiếng nói chung nên đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn, bất đồng trong quan hệ hôn nhân.

Ông Đ trình bày: Bản thân ông không có yêu cầu giải quyết tài sản trong vụ án này. Trước đây vợ chồng có căn nhà ở Phúc Yên, hiện bà C và con gái là cháu Hằng đang cho thuê nhà này, còn bà C và con trai thì về quê sinh sống cùng với mẹ ông được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nên mẹ ông đã chuyển sang nhà con gái là Nguyễn Thị Sáu ăn ở sinh hoạt từ năm 2013 cho đến nay. Bà C có khai phải chăm sóc mẹ chồng là không đúng. Hiện bà C đang ở cùng con trai là anh Nguyễn Trung Thành.

Anh Thành do chỉ học đến lớp 3 thì nghỉ học nên tính khí có phần cục cằn. Trước đây cháu đã từng làm nhiều việc như bán quần áo, làm bảo vệ, còn hiện nay cháu đang làm nghề xe ôm kiếm sống tại thị xã Phúc Yên. Bản thân ông không ăn ở và chung sống với người khác như vợ chồng. Nếu bà C khai như vậy, ông đề nghị bà C cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời nói của bà là đúng.

Bà C trình bày: Việc kết hôn, con cái và thời gian vợ chồng không sống cùng nhau như Ông Đ trình bày là đúng. Vợ chồng có căn nhà ở Phúc Yên và đã được cấp giấy chứng nhận mang tên một mình bà, vì khi làm giấy chứng nhận, Ông Đ không có nhà, người ta bảo kê khai như thế thì bà kê khai. Sau đó, bà và con gái (Nguyễn Thúy Hằng) đã cho Trung tâm phòng chống HIV thuê lại, từ đó đến nay việc thu tiền thuê nhà do cháu Hằng trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 2005, bà chính thức về ở hẳn tại xã Thạch Đà, Mê Linh cho đến nay cùng với con trai là anh Nguyễn Trung Thành. Thời gian đầu bà có ở chung với mẹ chồng (cụ Đỗ Thị Xuân), nhưng sau đó thì cụ Xuân không ở cùng bà nữa và ăn ở sinh hoạt tại nhà với con gái (bà Nguyễn Thị Sáu) ở thửa đất liền kề. Cháu Thành tuy có đi làm xe ôm nhưng bà vẫn phải nuôi. Giữa bà và Ông Đ không có mâu thuẫn gì nên bà không đồng ý ly hôn.

Anh Nguyễn Trung Thành trình bày: Anh là con của Ông Đ và bà C. Năm 1996, Ông Đ bỏ đi đâu anh không biết và không sống cùng với bà C nữa. Năm 2005, bà C về ở tại thôn 4, xã Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội, còn anh vẫn ở nhà của bố mẹ ở Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Trong thời gian đó, anh có đi làm phụ việc ở các quán ăn, quán café. Từ năm 2007 đến nay, anh về quê ở xã Thạch Đà, Mê Linh ở cùng với bà C. Hiện anh tự kiếm sống bằng nghề xe ôm, tuy nhiên thu nhập không ổn định.

Về sức khỏe của anh, gia đình anh đều nghĩ anh chậm phát triển, nhưng anh cho rằng đó là vì anh bỏ học sớm, tính toán kém chứ vẫn có thể làm ăn được. Anh chưa bao giờ đi khám chữa bệnh nào liên quan đến thần kinh.

Anh đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ anh đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cả hai bên đều thừa nhận thời gian ly thân đã lâu và không còn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặt khác, bà C cũng không phải chăm sóc mẹ chồng và con trai vì hiện mẹ chồng không ở cùng, con trai vẫn đi làm, có thể tự nuôi sống bản thân và cũng không có tài liệu nào thể hiện anh Thành bị bệnh làm cho trí tuệ phát triển chậm, không có khả năng lao động, nuôi sống bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của Ông Đ, xử cho Ông Đ được ly hôn với bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của Ông Đ nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bên đều thừa nhận thời gian ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm đến nhau. Tại cấp sơ thẩm, bà C thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn vì bà đã già yếu, muốn chăm sóc mẹ chồng và nuôi con là cháu Thành có trí tuệ chậm phát triển. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện bà C hiện không sống cùng và không chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ chồng là cụ Đỗ Thị

Xuân, còn anh Thành vẫn phát triển bình thường và có đủ khả năng lao động tự kiếm sống. Mặt khác, để duy trì cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, mỗi bên vợ, chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trên thực tế hai ông bà đã ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, lý do bà C không đồng ý ly hôn với Ông Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy, chấp nhận đơn kháng cáo của Ông Đ và đề nghị sửa bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về án phí: Ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Minh Đ. Ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Lê Thị C.

Về con chung: Ông Đ và bà C có 03 con chung là Nguyễn Thái Hà - sinh ngày 26/3/1976; Nguyễn Thúy Hằng - sinh ngày 10/01/1981 và Nguyễn Trung Thành - sinh ngày 31/3/1985. Hiện tại các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004578 ngày 06/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội và không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Minh Đ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 4830 ngày 15/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Hà Nội;*
- *TAND huyện Mê Linh, HN;*
- *Chi cục THADS huyện Mê Linh, HN;*
- *UBND xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng